

Số: 04 /2019/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 10 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Điểm b, Khoản 3, Điều 2 của Quy định mức thu, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV- KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 17/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc sửa đổi Điểm a, Điểm b, Khoản 3, Điều 2 của Quy định mức thu, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Nghị Quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai theo Luật Phí và Lệ phí; Báo cáo thẩm tra số 99/BC-KTNS ngày 01/7/2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Điểm b, Khoản 3, Điều 2 của Quy định mức thu, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Phí và Lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 79/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.

1. Điểm a, Khoản 3, Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Đối với các loại khoáng sản xuất khẩu mức thu phí: 30.000 đồng/tấn hàng hóa thực tế trên phương tiện vận tải”.

2. Điểm b, Khoản 3, Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Đối với các mặt hàng còn lại:

STT	Nội dung thu	Mức thu (đồng/lần/xe)		
		Xe vận tải hàng hóa là nông sản của Việt Nam xuất khẩu	Xe vận tải hàng hóa XNK khác	Đối với xe vận tải hàng hóa tạm nhập-tái xuất, hàng nước ngoài gửi kho ngoại quan để XK, hàng quá cảnh, nhập nguyên liệu để gia công cho đối tác nước ngoài, xuất gia công cho đối tác nước ngoài, nhập nguyên liệu để SXK, xuất SP SXK
1	Xe ô tô có trọng tải dưới 4 tấn	80.000	120.000	1.000.000
2	Xe ô tô có trọng tải từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	200.000	300.000	2.500.000
3	Xe ô tô có trọng tải từ 10 tấn đến dưới 18 tấn	400.000	500.000	4.000.000
	Xe container 20 feet	300.000		
4	Xe ô tô có trọng tải từ 18 tấn trở lên	700.000	800.000	6.000.000
	Xe container 40 feet	500.000		

(Trọng tải phương tiện vận tải: Căn cứ trọng tải phương tiện ghi trên Tờ khai Hải quan của người xuất, nhập khẩu; Trường hợp Tờ khai Hải quan của người xuất, nhập khẩu không ghi trọng tải xe thì căn cứ trọng tải phương tiện ghi trên Giấy chứng nhận đăng kiểm phương tiện vận tải) ”.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XV - Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. *ph*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Công báo Lào Cai, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Các chuyên viên;
- Lưu: VT, TH. *LB*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh